

Lesson Overview

Exchanging contact details



You meet a person at a conference which has a lot of people from many different companies.

How can you exchange contact details with her/him?

Useful language

	Words and Expressions	Meaning
Starting the conversation		
1	Hi, I'm ..., I'm a [job title] at [company]. Nice to meet you.	Xin chào, tôi tên là ..., tôi là [chức danh công việc] tại [tên công ty]. Rất vui được gặp bạn.
2	Hello, ... I'm ..., I work as a [job title] at [company]. It's a pleasure to meet you too.	Xin chào, tôi tên là ..., tôi là [chức danh công việc] tại [tên công ty]. Rất vui được gặp bạn.
3	Full name	Họ và tên
4	Job title	Chức danh nghề nghiệp
5	Company	Công ty
6	Marketing manager	Trưởng phòng tiếp thị
7	Logistics manager	Trưởng phòng hậu cần

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
	Exchanging contact details	
8	Oh, my company will have a new project related to [field of business] in the next few months, so may I get acquainted with you?	Ồ, công ty của tôi sẽ có một dự án mới liên quan đến [tên lĩnh vực kinh doanh] trong vài tháng tới, vì vậy tôi có thể làm quen với bạn không?
9	Yes, definitely, I also want to learn more about [field of business] in the future.	Vâng, chắc chắn rồi, tôi cũng muốn tìm hiểu thêm về [tên lĩnh vực kinh doanh] trong tương lai.
10	acquaint	làm quen
11	Field of business	Lĩnh vực kinh doanh
12	Marketing field	Ngành tiếp thị
13	Logistics field	Ngành hậu cần
14	Interesting. Can I get your mobile phone number?	Thật thú vị. Tôi có thể xin số điện thoại di động của bạn không?
15	Of course. You can reach me at What's your mobile number?	Tất nhiên rồi. Bạn có thể liên hệ với tôi qua Số điện thoại di động của bạn là gì nhỉ?
16	Mobile number	Số điện thoại
17	Thanks. My mobile number is How about email? Can I have your email address?	Cảm ơn bạn. Số điện thoại di động của tôi là Thế còn email? Bạn có thể cho tôi địa chỉ email của bạn được không?
18	Certainly. My email address is And what's your email address?	Chắc chắn rồi. Địa chỉ email của tôi là Thế địa chỉ email của bạn là gì nhỉ?
19	Email address	Địa chỉ email

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
20	My email address is By the way, do you have a company website I can visit to learn more about ...?	Địa chỉ email của tôi là Nhân tiện, bạn có thể cho tôi xin địa chỉ trang web của công ty bạn để tôi có thể tìm hiểu thêm về... không?
21	Yes, our company website is And does have a website as well?	Vâng, trang web của công ty chúng tôi là Thế còn có trang web không nhỉ?
22	Company's web address	Địa chỉ trang web của công ty
23	Absolutely. You can find more about at Also, I'm curious, where is your company located?	Có chứ. Bạn có thể tìm hiểu thêm về tại Ngoài ra, tôi tò mò, công ty của bạn nằm ở đâu nhỉ?
24	We're located at And what's your company's address?	Công ty chúng tôi nằm tại Địa chỉ công ty của bạn là gì nhỉ?
25	Our company address is	Địa chỉ công ty chúng tôi là
26	Company address	Địa chỉ công ty
27	I hope that we can collaborate with each other in the future.	Tôi hy vọng rằng chúng ta có thể hợp tác với nhau trong tương lai.
28	It's great to hear that. I'm looking forward to cooperating with you too.	Thật tuyệt khi nghe điều đó. Tôi cũng mong được hợp tác với bạn.
Other structures		
29	Okay, I'm afraid I'm have to go now, so let's keep in touch. Here's my card.	Được rồi, tôi e rằng tôi phải đi bây giờ, vì vậy chúng ta hãy giữ liên lạc nhé. Đây là thẻ của tôi.
30	And here's my card. Talk to you soon. Goodbye.	Còn đây là thẻ của tôi. Nói chuyện với bạn sau nhé. Tạm biệt.
31	Goodbye, ... Take care, and see you soon.	Tạm biệt, ... Bảo trọng và hẹn gặp bạn sớm.